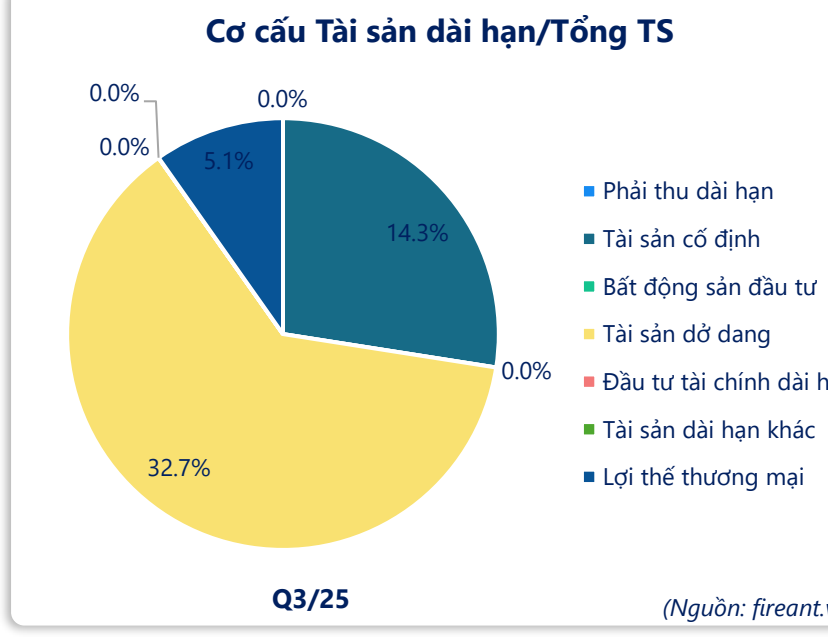
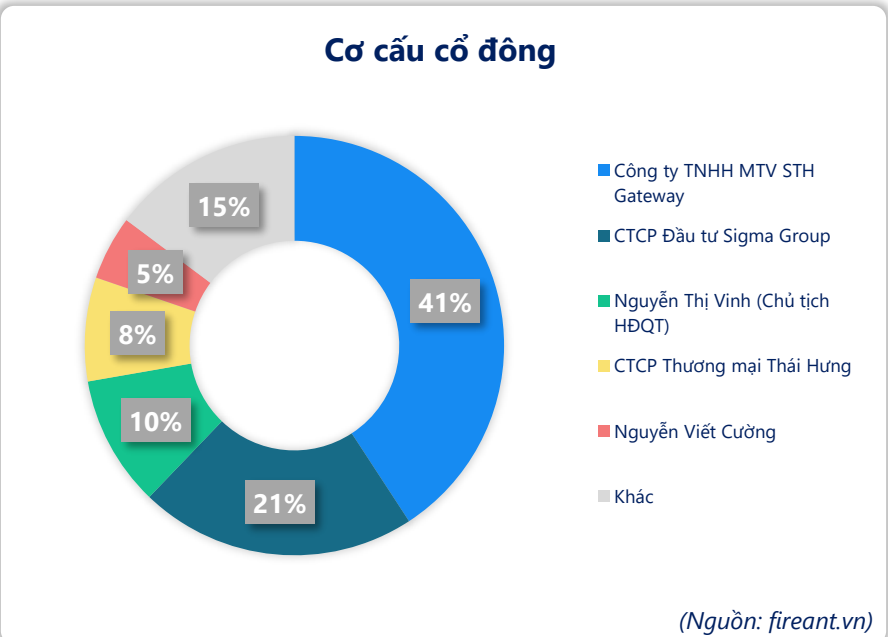
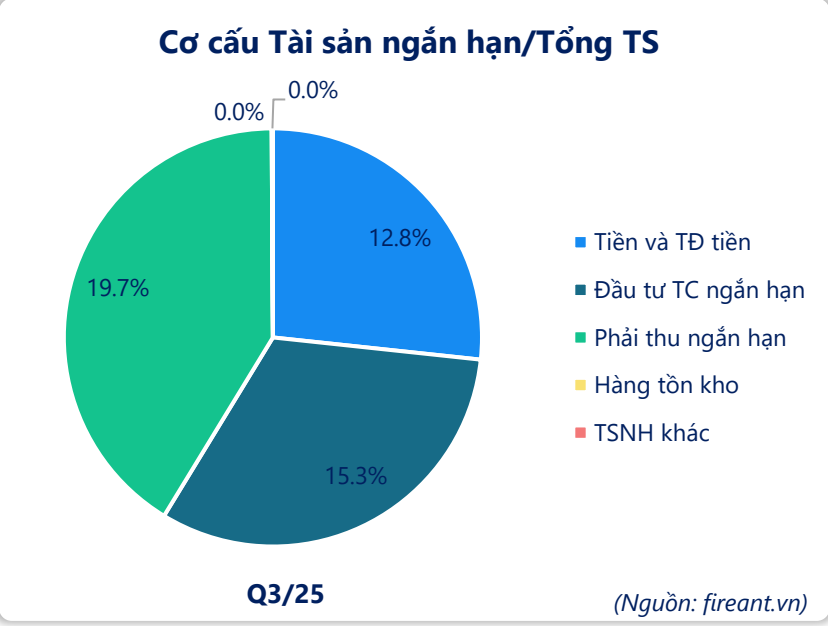
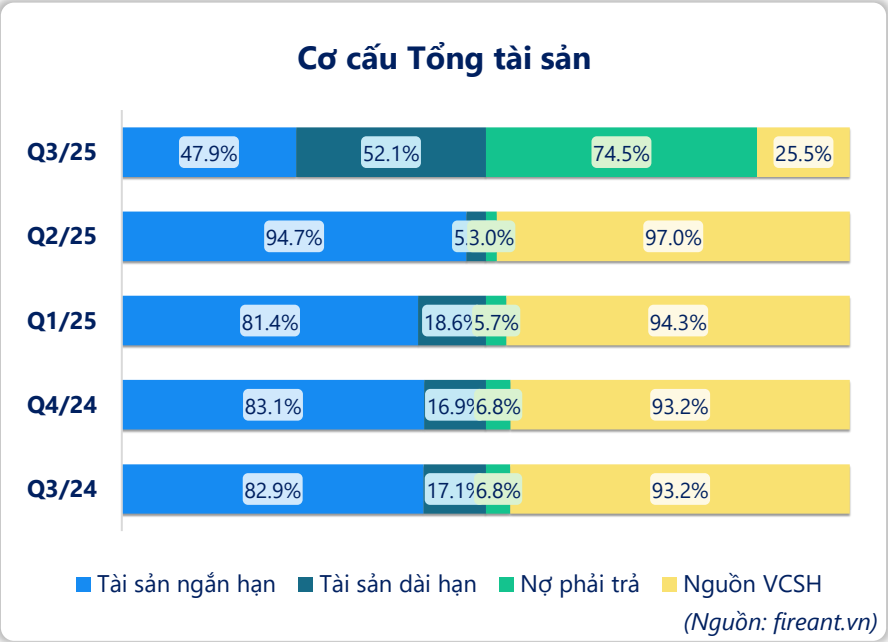
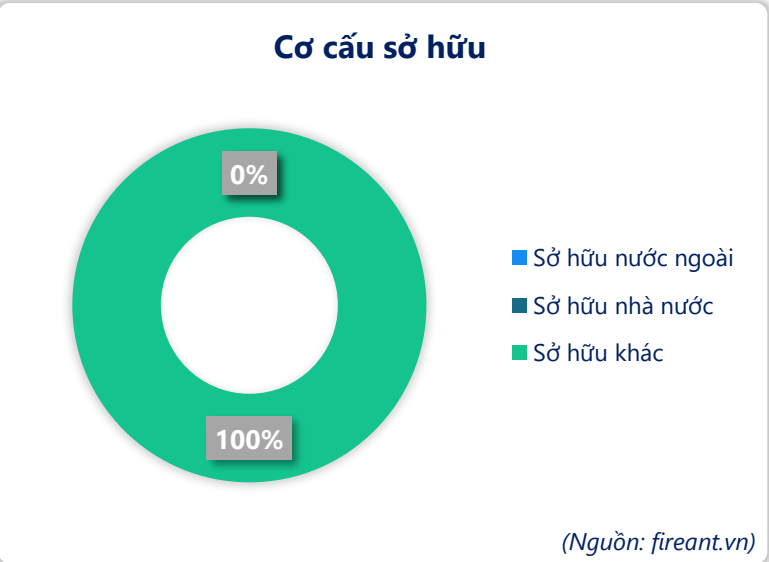
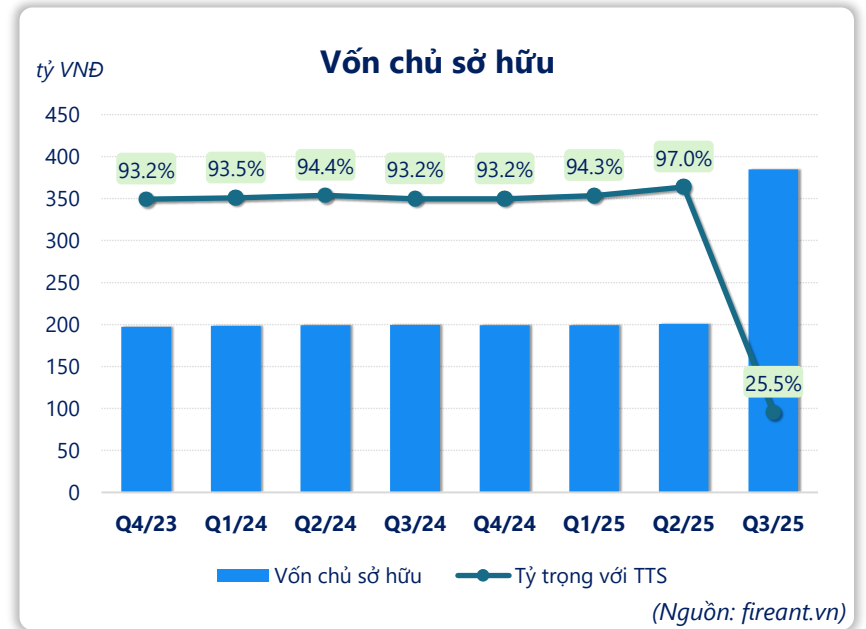
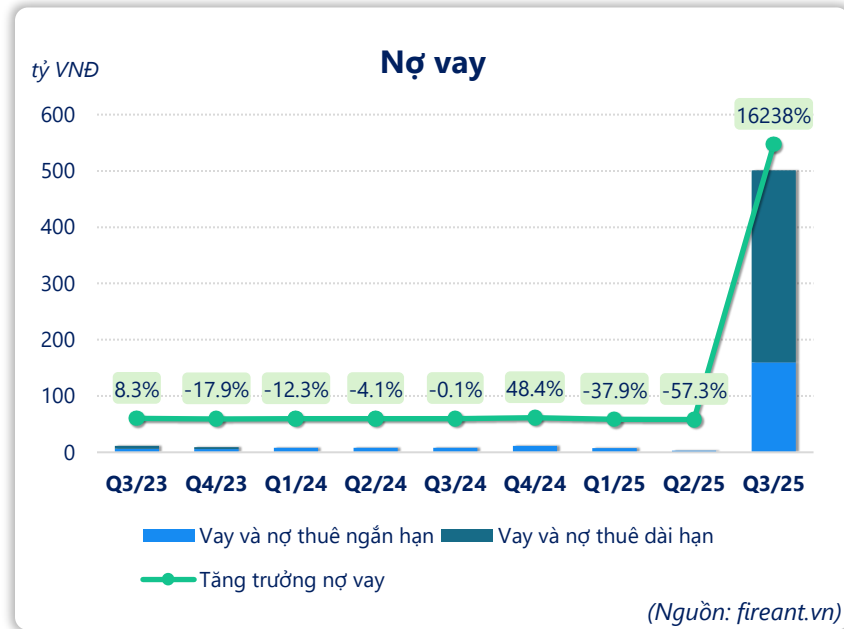
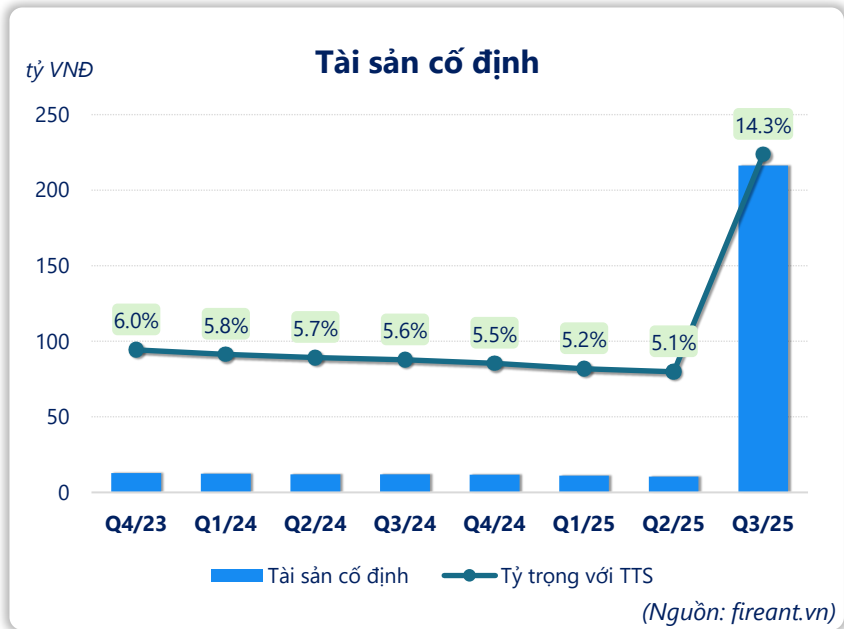
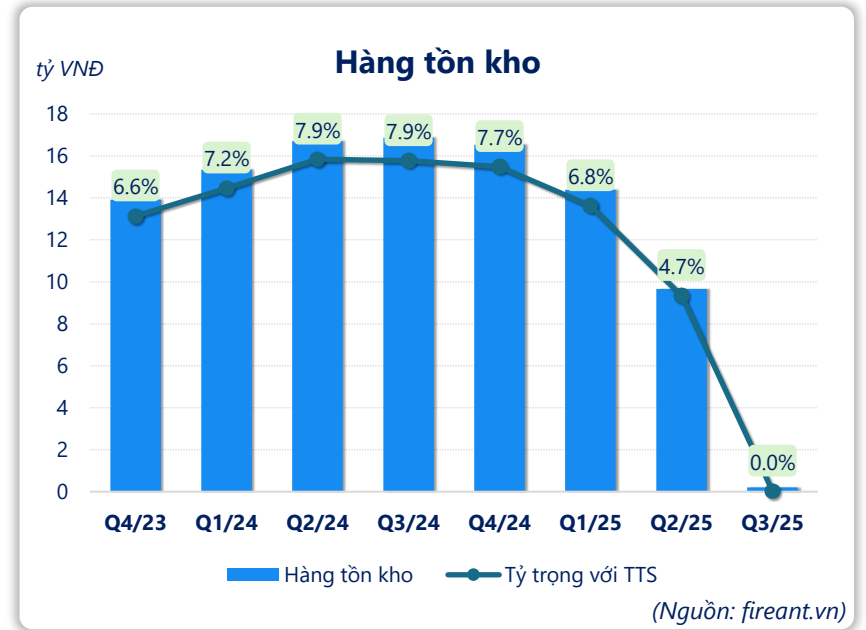
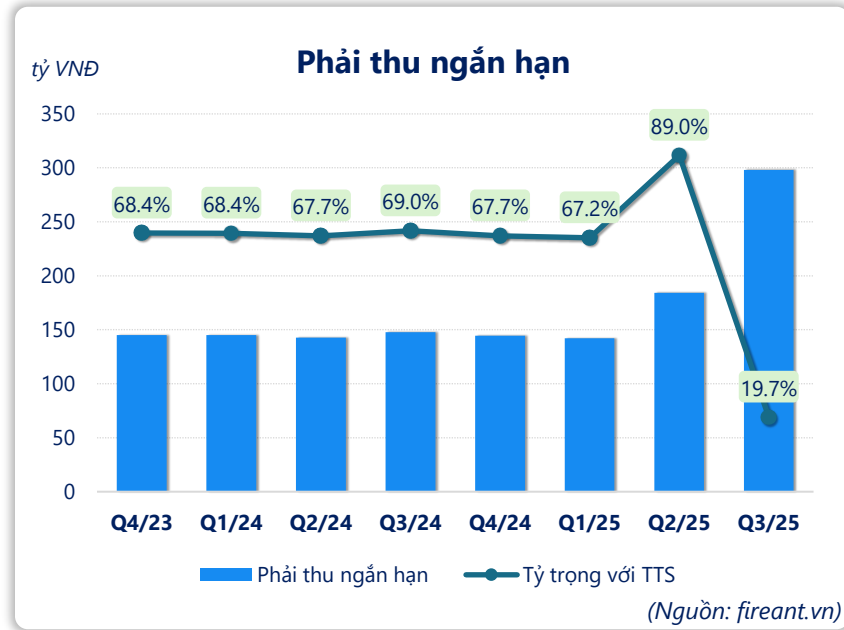
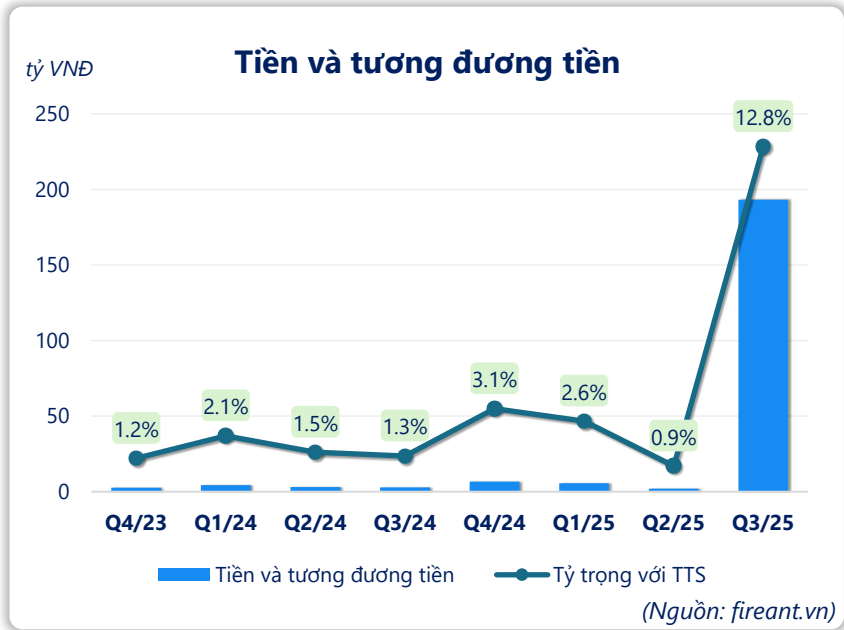
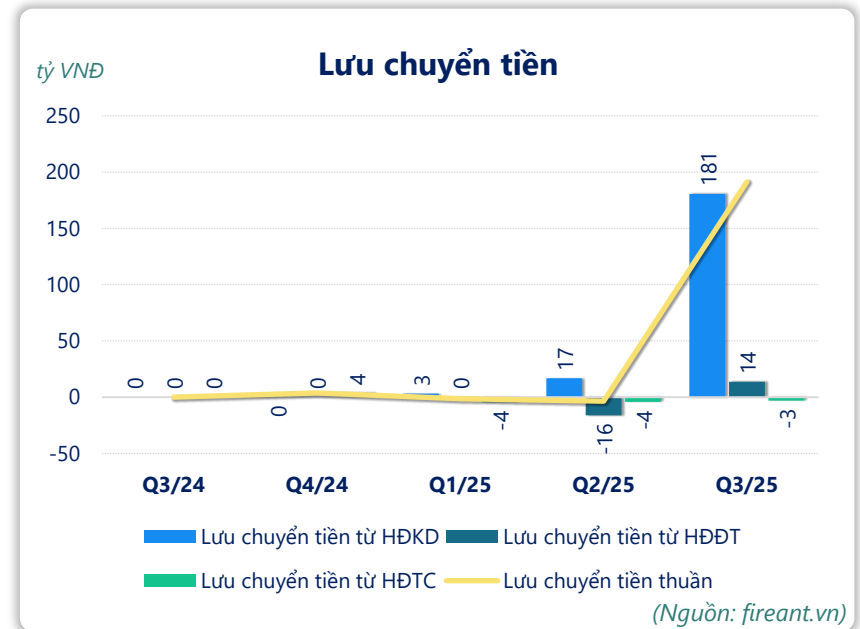
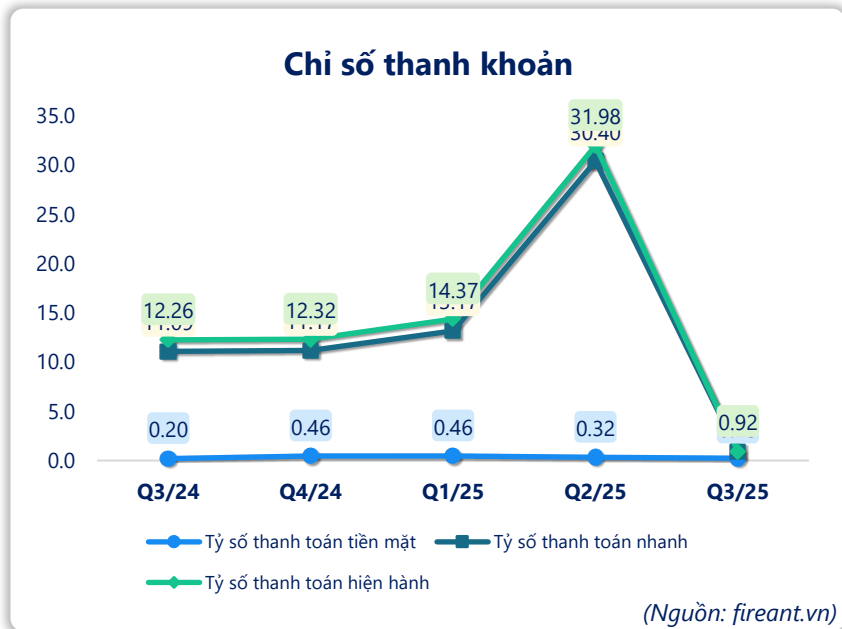
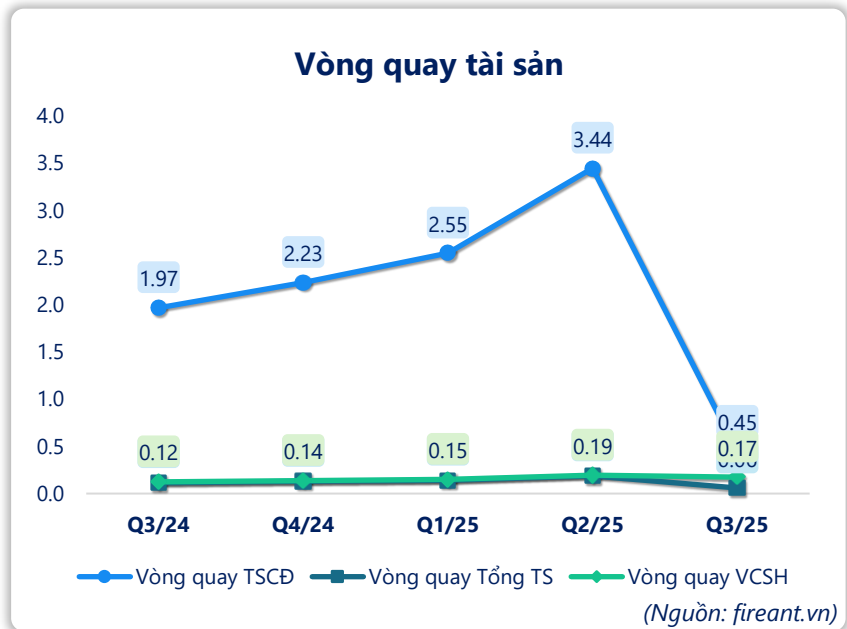
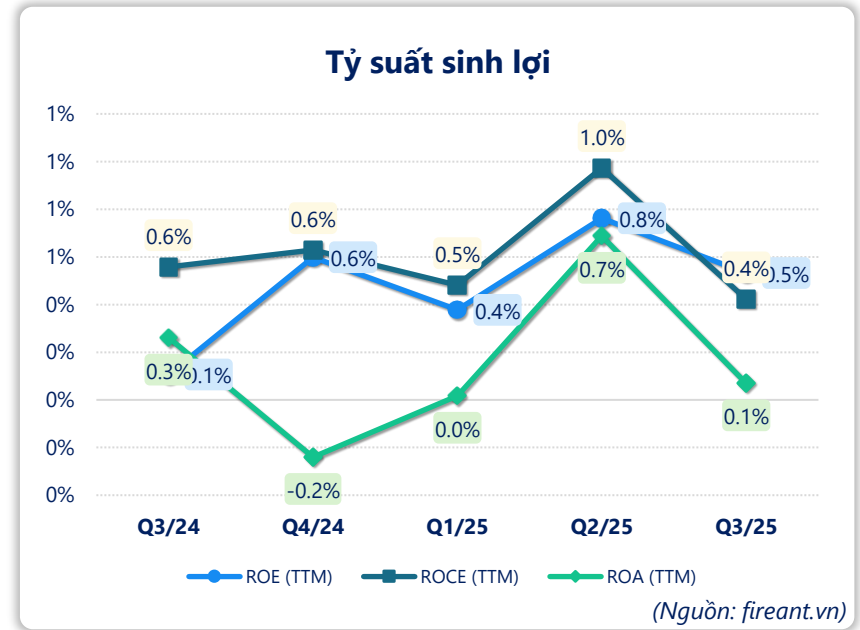
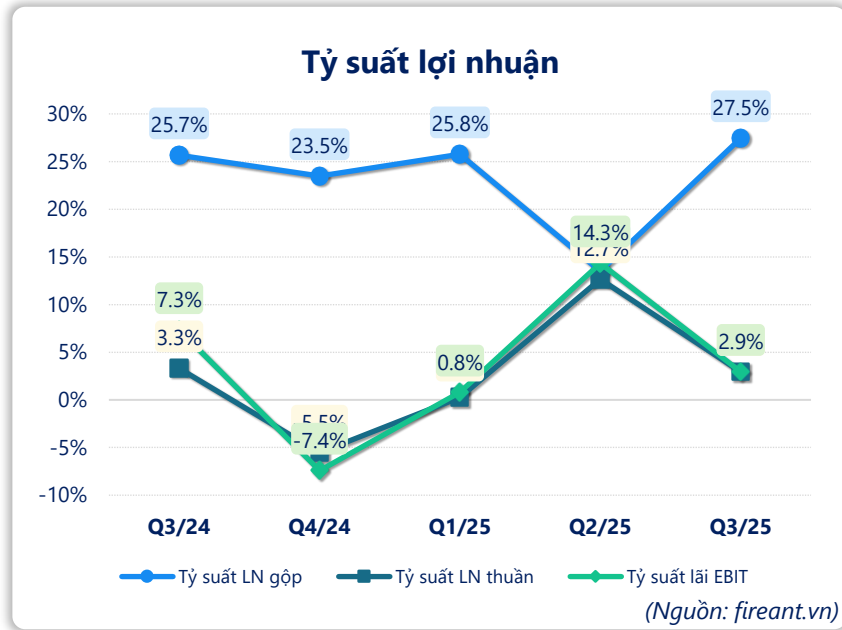
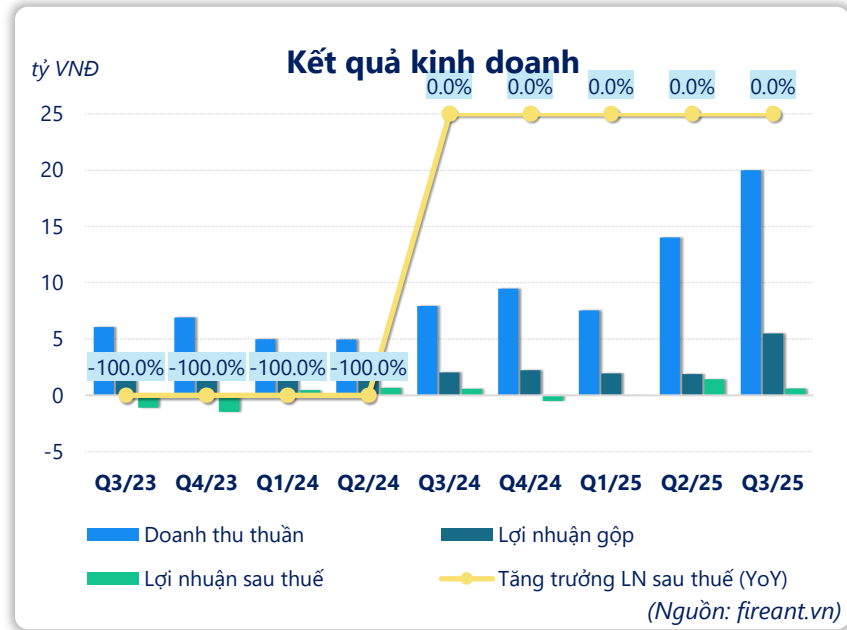


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		19,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		25,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,200
SL cổ phiếu LH		19,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		149,370
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		388
P/E		249.6
EPS		80

	YTD	1T	3T	6T
STH	188.4%	-5.2%	12.4%	168.9%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,511	214	606%
Tài sản ngắn hạn	724	174	315%
Tiền và tương đương tiền	193	6.79	2745%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	232	9.83	2258%
Phải thu ngắn hạn	298	141	112%
Hàng tồn kho	0.20	16.5	-98.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.53	0.36	45.7%
Tài sản dài hạn	787	39.5	1892%
Phải thu dài hạn	0	3.65	-100%
Tài sản cố định	216	11.4	1798%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	494	3.63	13491%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	20.0	-100%
Tài sản dài hạn khác	0.08	0.80	-89.8%
Lợi thế thương mại	76.9	0	
Nợ phải trả	1,126	14.7	7574%
Nợ ngắn hạn	785	14.6	5282%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	160	11.6	1284%
Phải trả người bán ngắn hạn	35.8	1.44	2389%
Nợ dài hạn	341	0.09	398727%
Vay và nợ thuê dài hạn	341	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	385	199	93.1%
Vốn chủ sở hữu	385	199	93.1%
Vốn điều lệ	195	195	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	7.93	9.48	7.53	14.0	20.0
Giá vốn hàng bán	5.90	7.25	5.59	12.1	14.5
Lợi nhuận gộp	2.04	2.23	1.94	1.89	5.49
Doanh thu HĐTC	0.07	0.13	0.26	4.12	0.00
Chi phí TC	-0.51	0.54	0.02	1.72	0.01
Chi phí lãi vay	0.02	-0.19	0.02	0.21	0.01
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.32	1.24	1.10	1.26	2.64
Chi phí QLDN	1.03	1.10	1.06	1.25	2.25
LN thuần từ HĐKD	0.26	-0.52	0.02	1.77	0.59
Lợi nhuận khác	0.30	0.01	0.02	0.02	-0.01
LN trước thuế	0.56	-0.51	0.04	1.80	0.58
Lợi nhuận sau thuế	0.56	-0.51	0.04	1.44	0.59
LNST của CĐ cty mẹ	0.56	-0.51	0.04	1.44	0.59

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	-0.17	3.06	16.7	181
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0.14	0.06	-16.1	13.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	3.77	-4.38	-4.11	-3.07
Tiền đầu kỳ	0	2.83	6.79	5.53	1.96
Lưu chuyển tiền thuần	0	3.73	-1.26	-3.56	191
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	6.56	5.53	1.96	193

(Nguồn: fireant.vn)